

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 74/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH

Về phòng không nhân dân

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Quốc phòng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

Chính phủ ban hành Nghị định về phòng không nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định nguyên tắc, tổ chức và nội dung hoạt động phòng không nhân dân; chế độ, chính sách và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với công tác phòng không nhân dân.

2. Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan đến phòng không nhân dân.

Điều 2. Vị trí, chức năng của phòng không nhân dân

Phòng không nhân dân là một nội dung quan trọng của công tác quốc phòng, quân sự; được xây dựng, hoạt động trong khu vực phòng thủ, là một bộ phận của thể trận quốc phòng toàn dân trên mặt trận đối không nhằm thực hiện phòng, tránh, đánh trả và khắc phục hậu quả các hành động xâm nhập, tiến công đường không của địch; bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của Nhân dân, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thế trận phòng không nhân dân: Là tổng thể các yếu tố, các lợi thế về địa hình, lực lượng, bố trí trang thiết bị phòng không để tiến hành các hoạt động tác chiến phòng không, phù hợp với kế hoạch tác chiến của khu vực phòng thủ.

2. Địa bàn phòng không nhân dân: Được xác định là các huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh, hoặc những vị trí trọng yếu nằm trong hệ thống phòng thủ của cấp tỉnh và quân khu.

3. Lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân: Là tổng hợp các lực lượng, được tổ chức chặt chẽ dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp để thực hiện các nhiệm vụ phòng không nhân dân.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động phòng không nhân dân

1. Tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, được tổ chức điều hành tập trung thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

2. Tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân do hệ thống chính trị, toàn dân và lực lượng vũ trang thực hiện, trong đó Bộ đội địa phương và Dân quân tự vệ làm nòng cốt.

3. Công tác phòng không nhân dân được chuẩn bị từ thời bình và triển khai thực hiện khi có biểu hiện, hành động xâm nhập, tiến công đường không của địch.

Điều 5. Quản lý nhà nước về phòng không nhân dân

1. Bộ Quốc phòng, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phòng không nhân dân.

2. Nội dung quản lý nhà nước về phòng không nhân dân:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về phòng không nhân dân;

b) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tổ chức và hoạt động phòng không nhân dân;

c) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, quy chế hoạt động về phòng không nhân dân;

d) Chỉ đạo, điều hành xây dựng và tổ chức hoạt động phòng không nhân dân từ Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân Trung ương đến địa phương;

d) Lập quy hoạch, xây dựng thể trận phòng không nhân dân trong khu vực phòng thủ;

e) Tổ chức kiểm tra về xây dựng và hoạt động phòng không nhân dân;

g) Sơ kết, tổng kết về kết quả hoạt động phòng không nhân dân.

Điều 6. Nội dung phòng không nhân dân

1. Nội dung tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân thời bình:

a) Tuyên truyền, giáo dục về phòng không nhân dân;

b) Xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân;

c) Xây dựng lực lượng, tổ chức huấn luyện, diễn tập nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, xử lý tình huống của các lực lượng tham gia công tác phòng không nhân dân;

d) Tổ chức xây dựng công trình phòng tránh, trận địa phòng không trong khu vực phòng thủ và triển khai hệ thống trinh sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân;

đ) Xây dựng quy hoạch các đề án, dự án đảm bảo tiêu chuẩn an toàn về phòng không nhân dân và phòng thủ dân sự;

e) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân thời chiến:

Thực hiện đầy đủ các nội dung phòng không nhân dân quy định tại Khoản 1 Điều này và tập trung vào các nội dung sau:

a) Tổ chức trinh sát, quan sát, phát hiện, thông báo, báo động phòng không nhân dân; quan sát diễn biến các trận tiền công đường không của địch;

b) Tổ chức nguy trang, nghi binh, sơ tán, phân tán, phòng, tránh tiền công đường không của địch;

c) Tổ chức đánh địch xâm nhập, tiền công đường không và bảo đảm chiến đấu phòng không nhân dân;

d) Tổ chức khắc phục hậu quả và những thiệt hại do địch tiền công đường không.

Chương II

TỔ CHỨC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Điều 7. Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân

1. Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân được tổ chức thành lập ở 4 cấp gồm:
 - Cấp Trung ương;
 - Cấp quân khu;
 - Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh);
 - Cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) thuộc địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân.
2. Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân Trung ương gồm:
 - a) Trưởng Ban Chỉ đạo do một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ đảm nhiệm;
 - b) Phó Trưởng ban:
 - Phó Trưởng ban Thường trực là đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;
 - Phó Trưởng ban là một đồng chí Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam và đồng chí Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, Chủ nhiệm Phòng không - Không quân toàn quân;
 - c) Ủy viên Ban Chỉ đạo là một đồng chí Thứ trưởng hoặc tương đương thuộc một số bộ, ban, ngành Trung ương và đồng chí Cục trưởng Cục Phòng không Lục quân thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân.
3. Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp từ Trung ương đến địa phương.
4. Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp do Trưởng Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cùng cấp quy định. Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cấp quân khu, cấp tỉnh, cấp huyện trên cơ sở quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân Trung ương.

Điều 8. Cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân

1. Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp có Cơ quan Thường trực giúp việc đặt tại cơ quan quân sự cùng cấp; nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Thường trực do Trưởng Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cùng cấp quy định.
2. Cục Phòng không Lục quân/Quân chủng Phòng không - Không quân là Cơ quan Chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân Trung ương.

3. Cơ quan phòng không cấp quân khu, cấp tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện là Cơ quan Chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cùng cấp, có trách nhiệm tham mưu cho Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cấp mình tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung phòng không nhân dân quy định trong Nghị định này.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc tổ chức Cơ quan Thường trực và Cơ quan Chuyên trách giúp việc cho Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cấp quân khu, cấp tỉnh, cấp huyện.

Điều 9. Tổ chức lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân

1. Lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân gồm:

- a) Lực lượng trinh sát, quan sát phát hiện, thông báo, báo động phòng không;
- b) Lực lượng nguy trang, sơ tán, phòng tránh;
- c) Lực lượng đánh địch xâm nhập, tiến công đường không;
- d) Lực lượng phục vụ chiến đấu, bảo đảm phòng không nhân dân;
- đ) Lực lượng khắc phục hậu quả, cứu hỏa, cứu thương, cứu sập.

2. Lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân được tổ chức thành các tổ (đội) từ lực lượng của các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang địa phương và toàn dân tham gia, trong đó lực lượng Dân quân tự vệ và Bộ đội địa phương là nòng cốt thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thành lập các tổ (đội) chuyên môn phòng không nhân dân theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

Điều 10. Thẩm quyền thành lập, chế độ làm việc, nguyên tắc hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp

1. Thẩm quyền thành lập:

- a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân Trung ương;
- b) Tư lệnh quân khu quyết định thành lập Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cấp quân khu;
- c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định thành lập Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cùng cấp.

2. Chế độ làm việc: Thành viên Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp hoạt động theo quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo cấp mình và theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm của Trưởng ban, Phó Trưởng ban. Ủy viên Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp làm việc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Chương III

PHÂN LOẠI, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG

PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Mục 1

PHÂN LOẠI, NHIỆM VỤ PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Điều 11. Phân loại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng không nhân dân

1. Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trọng điểm phòng không nhân dân được xác định là các tỉnh, thành phố có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh hoặc những nơi có các mục tiêu trọng điểm quốc gia và của quân khu.

2. Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ngoài trọng điểm phòng không nhân dân là các tỉnh, thành phố không nằm trong quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 12. Phân loại địa bàn phòng không nhân dân

1. Địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân được xác định là các huyện, quận, thành phố trực thuộc cấp tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, những nơi có các mục tiêu trọng điểm của tỉnh.

2. Địa bàn ngoài trọng điểm phòng không nhân dân là các huyện, quận, thành phố trực thuộc cấp tỉnh không nằm trong quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 13. Thẩm quyền xác định tỉnh, thành phố và địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định các tỉnh, thành phố trọng điểm phòng không nhân dân trong phạm vi cả nước, trên cơ sở đề nghị của Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

2. Tư lệnh quân khu chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, thành phố xác định, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định địa bàn trọng điểm về phòng không nhân dân của cấp mình.

3. Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có trách nhiệm xác định, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định các địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân của thành phố.

Điều 14. Nhiệm vụ tỉnh, thành phố và địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân

Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các tỉnh, thành phố và địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung phòng không nhân dân quy định tại Điều 6 Nghị định này và tập trung vào các nội dung sau:

1. Xây dựng hệ thống văn bản, kế hoạch phòng không nhân dân, kế hoạch sơ tán, phân tán phòng tránh và thường xuyên rà soát, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình địa phương.
2. Tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện chuyên môn phòng không nhân dân và tham gia các cuộc diễn tập phòng không nhân dân, diễn tập khu vực phòng thủ có nội dung phòng không nhân dân.
3. Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân ở cấp mình và phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị đóng quân trên địa bàn trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.
4. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, xây dựng, huấn luyện và tổ chức hoạt động lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân.

Điều 15. Nhiệm vụ tỉnh, thành phố, địa bàn ngoài trọng điểm phòng không nhân dân

1. Cơ quan quân sự địa phương phối hợp với các ban, ngành có liên quan tham mưu cho Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cùng cấp tổ chức thực hiện các nội dung phòng không nhân dân gồm:

a) Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về tổ chức, hoạt động phòng không nhân dân và nội dung phòng không nhân dân trong khu vực phòng thủ;

b) Xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân;

c) Thường xuyên nghiên cứu tình hình hoạt động của địch trên không, đề xuất các biện pháp đối phó kịp thời, có hiệu quả;

d) Phối hợp với các ban, ngành giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng, quản lý, điều hành, chỉ huy các lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân;

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức xây dựng và huấn luyện lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân.

2. Trong trường hợp cần thiết, sẵn sàng triển khai các nội dung công tác phòng không nhân dân như các tỉnh, thành phố và địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân.

3. Phối hợp với các tỉnh, thành phố và địa bàn trọng điểm phòng không nhân dân hiệp đồng triển khai các nội dung chuẩn bị phòng không nhân dân theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cấp trên.

Mục 2 **HOẠT ĐỘNG PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN**

Điều 16. Nội dung chuẩn bị phòng không nhân dân

1. Nội dung chuẩn bị phòng không nhân dân thời bình:

- a) Thành lập Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp;
- b) Xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, kịp thời điều chỉnh, bổ sung khi tình hình thay đổi;
- c) Tổ chức tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức phòng không nhân dân gắn với giáo dục quốc phòng, an ninh; huấn luyện chuyên môn cho lực lượng phòng không nhân dân, tổ chức diễn tập, luyện tập phòng không nhân dân;
- d) Tổ chức xây dựng các công trình phòng, tránh trọng điểm, các công trình, dự án, đề án đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tác chiến phòng không nhân dân;
- đ) Tổ chức, triển khai hệ thống trinh sát, thông báo, báo động phòng không ở các vùng trọng điểm;
- e) Tổ chức lực lượng sẵn sàng đánh địch đột nhập và tiến công đường không và lực lượng chuyên môn phòng không nhân dân để chủ động phòng, tránh, sơ tán, khắc phục hậu quả.

2. Nội dung chuẩn bị phòng không nhân dân thời chiến:

- a) Tổ chức thực hiện kế hoạch phòng không nhân dân đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kịp thời bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình;
- b) Huy động, điều hành hoạt động của lực lượng phòng không nhân dân, lực lượng bảo đảm phòng không theo yêu cầu nhiệm vụ;
- c) Tổ chức tiến hành nguy trang, nghi binh, sơ tán và phân tán phòng, tránh tiến công đường không của địch;
- d) Triển khai các tổ (đội) khắc phục hậu quả, cứu thương, cứu hỏa, cứu sập và các tổ (đội) chiến đấu.

Điều 17. Xây dựng thể trận phòng không nhân dân

Thể trận phòng không nhân dân gồm:

- 1. Xây dựng hệ thống các đài quan sát, thông báo, báo động phòng không.

2. Xây dựng hệ thống trận địa phòng tránh, đánh trả địch tiến công đường không; các trận địa phòng tránh trọng điểm phòng không nhân dân.

3. Xác định các khu vực sơ tán, phân tán, phòng tránh lực lượng, phương tiện ở từng cấp.

4. Xây dựng các trận địa bắn mục tiêu trên không, trận địa phục kích đón lõng của các tinh, thành phố, địa bàn trọng điểm phòng không.

5. Xây dựng vị trí bảo đảm phục vụ phòng không nhân dân trong căn cứ hậu phương, căn cứ chiến đấu của khu vực phòng thủ các cấp.

Điều 18. Xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân

1. Kế hoạch phòng không nhân dân được xây dựng ở cấp quân khu, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

2. Kế hoạch phòng không nhân dân do cơ quan quân sự địa phương các cấp, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tham mưu và phối hợp với các ban, ngành địa phương soạn thảo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê chuẩn.

3. Ủy ban nhân dân các địa phương chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân của địa phương theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân ở các cấp.

Điều 19. Tuyên truyền về phòng không nhân dân

1. Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp phối hợp với cơ quan chức năng của cấp mình tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hiểu biết về phòng không nhân dân cho các tầng lớp nhân dân.

2. Các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến địa phương sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác để tuyên truyền về công tác phòng không nhân dân.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trong tuyên truyền sâu rộng những kiến thức về phòng không nhân dân.

Điều 20. Huấn luyện nghiệp vụ, tổ chức diễn tập phòng không nhân dân

1. Huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn phòng không nhân dân:

a) Huấn luyện kiến thức phổ thông phòng không nhân dân;

- b) Huấn luyện các tổ (đội) chuyên môn phòng không nhân dân;
- c) Huấn luyện lực lượng phòng không nhân dân đánh trả địch xâm nhập tiền công đường không.

2. Tổ chức diễn tập phòng không nhân dân:

a) Nội dung diễn tập phòng không nhân dân gồm:

- Diễn tập chỉ huy - tham mưu các cấp;
- Tổ chức trinh sát, thông báo, báo động phòng không;
- Tổ chức nguy trang, sơ tán, phân tán, phòng tránh;
- Tổ chức đánh trả địch xâm nhập tiền công đường không;
- Tổ chức khắc phục hậu quả.

b) Hình thức tổ chức: Diễn tập phòng không nhân dân hoặc diễn tập phòng không nhân dân kết hợp với diễn tập khu vực phòng thủ của các địa phương.

3. Bộ Quốc phòng hướng dẫn nội dung huấn luyện, diễn tập phòng không nhân dân của các cấp.

Điều 21. Tổ chức xây dựng các công trình phòng không nhân dân, triển khai hệ thống trinh sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân

1. Công trình phòng không nhân dân gồm:

- a) Hệ thống các đài quan sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân;
- b) Công trình phòng tránh, trú ẩn trọng điểm (hầm trú ẩn cá nhân);
- c) Vị trí sơ tán, phân tán;
- d) Công trình nguy trang, nghi binh;
- đ) Hệ thống các trận địa phòng không đánh địch tiến công hoà lực đường không, có trận địa chính thức và trận địa dự bị.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương xây dựng các công trình phòng không nhân dân; xác định việc xây dựng các công trình phòng tránh, trú ẩn trọng điểm, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định triển khai tổ chức hệ thống trinh sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân ở tỉnh, thành phố trọng điểm.

Chương IV
CÔNG TÁC BẢO ĐẢM VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH
PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Điều 22. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách nhà nước chi đảm bảo cho công tác phòng không nhân dân theo phân cấp ngân sách hiện hành, cụ thể:

a) Ngân sách trung ương đảm bảo kinh phí thực hiện công tác phòng không nhân dân của các Bộ, cơ quan Trung ương và Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân cấp Trung ương, cấp quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội;

b) Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí thực hiện công tác phòng không nhân dân do các cơ quan, đơn vị của địa phương thực hiện và kinh phí Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định thành lập.

2. Các doanh nghiệp bảo đảm kinh phí cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân theo quy định tại Khoản 2 Điều 52 Luật Dân quân tự vệ và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Dân quân tự vệ.

Điều 23. Bảo đảm trang bị

Bộ Quốc phòng bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật và một số trang bị, thiết bị chuyên dụng phục vụ cho nhiệm vụ phòng không nhân dân. Các cơ quan, tổ chức và địa phương bảo đảm các phương tiện, trang thiết bị cần thiết cho các tổ (đội) chuyên môn phòng không nhân dân theo yêu cầu nhiệm vụ.

Điều 24. Chế độ chính sách

1. Những người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được huy động tham gia công tác phòng không nhân dân, thời gian huấn luyện, diễn tập phòng không nhân dân, được hưởng chế độ như quy định hiện hành đối với cán bộ, chiến sỹ Dân quân tự vệ không được hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo Khoản 2 Điều 47 Luật Dân quân tự vệ.

2. Những người trực tiếp tham gia lực lượng phòng không nhân dân mà bị ốm, bị tai nạn, bị thương, hy sinh thì được hưởng các chế độ theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Luật Dân quân tự vệ.

Chương V
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

Điều 25. Trách nhiệm Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ban, ngành Trung ương và địa phương chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ về kết quả phòng không nhân dân.

2. Chủ trì chỉ đạo xây dựng Bộ đội địa phương, lực lượng Dân quân tự vệ phòng không và lực lượng Dự bị động viên phòng không theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các quân khu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện xây dựng thể trận phòng không nhân dân trong khu vực phòng thủ.

4. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện nghiên cứu, xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh và thể trận phòng không nhân dân trong khu vực phòng thủ; kiểm tra, rà soát, điều chỉnh phù hợp với thực tế của địa phương.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương về tham mưu tác chiến phòng không trong khu vực phòng thủ; diễn tập phòng không nhân dân; diễn tập khu vực phòng thủ có triển khai nội dung phòng không nhân dân.

6. Hàng năm, chủ trì phối hợp với các Bộ, Ban, ngành Trung ương, địa phương kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân; chỉ đạo các quân khu tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bộ kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan bố trí chi đầu tư cho các công trình phòng không nhân dân theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Nghiên cứu và chỉ đạo việc lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo yêu cầu, tiêu chuẩn an toàn về phòng không.

2. Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành liên quan trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên cho công tác phòng không nhân dân theo phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Bộ Công an: Chỉ đạo các lực lượng thuộc quyền chuẩn bị phương tiện, tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện tham gia các hoạt động phòng không nhân dân, chỉ đạo lực lượng Công an chuyên trách làm nhiệm vụ khi thực hiện công tác phòng không nhân dân trong các tình huống; chỉ đạo kiểm tra các quy định về bảo đảm an ninh trật tự trong thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.

4. Bộ Xây dựng: Chỉ đạo xây dựng công trình, dự án đầu tư theo các yêu cầu, tiêu chuẩn an toàn về phòng không. Chỉ đạo tổ chức xây dựng các công trình phòng tránh trọng điểm.

5. Bộ Giao thông vận tải: Xây dựng kế hoạch, bảo đảm trang bị, phương tiện, hệ thống giao thông và xây dựng, điều hành các đội tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn đường bộ, đường thủy, đường không để thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.

6. Bộ Y tế: Chỉ đạo tổ chức các tuyến cấp cứu, cứu chữa người bị thương; huấn luyện cho lực lượng Dân quân tự vệ và lực lượng chuyên môn phòng không về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương; lập các phương án tiếp tế, bảo đảm hậu cần cho y tế khi có tình huống bị tiến công đường không.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Bộ Quốc phòng chỉ đạo tuyên truyền về công tác phòng không nhân dân, chỉ đạo bảo đảm quyền ưu tiên sử dụng phương tiện thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ thông báo, báo động, chỉ huy, hiệp đồng phòng không nhân dân.

8. Bộ Công thương: Chỉ đạo thực hiện quy định của pháp luật về động viên công nghiệp, mở rộng năng lực sản xuất phục vụ nhu cầu quốc phòng; quản lý thị trường, bảo đảm lưu thông hàng hóa cho lực lượng vũ trang và nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch phòng không nhân dân thời chiến.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì và phối hợp với Bộ Quốc phòng chỉ đạo công tác giáo dục kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân, hướng dẫn cơ sở thực hiện Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh. Tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng, an ninh về kiến thức phòng không nhân dân trong tập huấn hàng năm.

10. Các Bộ, Ban, ngành khác: Theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai và tổ chức thực hiện các nội dung phòng không nhân dân; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.

Điều 27. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về phòng không nhân dân ở địa phương; ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức xây dựng lực lượng, xây dựng công sự, trận địa, kế hoạch phòng không nhân dân và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền.

2. Bố trí ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân theo phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Phối hợp với Bộ Tư lệnh quân khu hoặc Bộ Quốc phòng quy hoạch các dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương gắn với quốc phòng, an ninh và thể trận phòng không nhân dân trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết và thực hiện thi đua, khen thưởng về thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.

5. Cơ quan quân sự các cấp có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp mình về tổ chức xây dựng và bảo đảm hoạt động phòng không nhân dân.

Điều 28. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội có trách nhiệm tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia các hoạt động phòng không nhân dân ở địa phương và giám sát kết quả hoạt động phòng không nhân dân.

Điều 29. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Tổ chức thực hiện sự chỉ đạo của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phòng không nhân dân.

2. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng không nhân dân; tổ chức huấn luyện, diễn tập và triển khai các nhiệm vụ phòng không nhân dân thuộc quyền theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quân sự địa phương.

3. Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho việc thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.

4. Phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc tổ chức, hoạt động và bảo đảm chế độ chính sách cho nhiệm vụ phòng không nhân dân.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 và thay thế Nghị định số 65/2002/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ về công tác phòng không nhân dân.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ban, ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện các điều, khoản trong Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu các tổ chức và cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng